

Bản án số: 131/2018/HNGĐ-ST
Ngày 16-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Ngọc Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Phú Tâm
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 715/2018/TLST-HNGĐ 11/7/2018 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 155/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đàm Cẩm N, sinh năm 1990; thường trú: Số 33/2A khu phố Đ, phường H, thị xã D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn P, sinh năm 1985; thường trú: Số 33/2A khu phố Đ, phường H, thị xã D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/6/2018 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đàm Cẩm N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm, chị Đàm Cẩm N và anh Đỗ Văn P tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2011, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã D, tỉnh B vào ngày 31/8/2011, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 128/KH/2011. Sau khi kết hôn, chị N và anh P sống chung với gia đình anh P tại phường H, thị xã D, tỉnh B. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến khoảng năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh P ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, không chăm lo vợ con, vợ chồng thường xuyên

cãi nhau. Chị N và anh P đã sống ly thân hơn 02 năm. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Quá trình sống chung, vợ chồng có 01 con chung tên Đỗ Trí Th, sinh ngày 26/10/2011. Theo đơn khởi kiện, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại bản tự khai ngày 21/9/2018, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 14/9/2018, bị đơn anh Đỗ Văn P trình bày: Thống Nhất với phần trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, thời gian mâu thuẫn và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Anh P xác định vợ chồng đã sống ly thân hơn 02 năm nay, tuy nhiên anh P vẫn còn thương vợ, thương con nên anh P không đồng ý ly hôn. Trường hợp Tòa án giải quyết cho vợ chồng ly hôn thì anh P yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:
Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và các đương sự chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Ngày 21/9/2018 và ngày 01/10/2018, nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Cẩm N và anh Đỗ Văn P đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, thị xã D, tỉnh B vào ngày 31/8/2011, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 128/KH/2011, là hôn nhân hợp pháp. Chị N và anh P đều xác định nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do anh P ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, không chăm lo vợ con, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Chị N và anh P đã sống ly thân khoảng 02 năm nay.

[3] Mặc dù anh P xác định vẫn còn tình cảm với chị N nhưng anh P không có giải pháp nào để cải thiện, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặt khác, chị N xác định không còn tình cảm với anh P, vợ chồng đã ly thân hơn 02 năm nên tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể đoàn tụ và chung sống với nhau được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đỗ Văn P.

Xét, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Tuy nhiên, Do mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh P đã diễn ra trong thời gian dài và cả hai người cũng không có giải pháp nào để cải thiện, hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng không mang lại hạnh phúc cho nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị N yêu cầu được ly hôn với anh P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Chị N và anh P đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, trong thời gian trước đây và hiện nay con chung do chị N trực tiếp nuôi dưỡng và đảm bảo tốt về mọi mặt. Mặt khác cháu T hiện còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi ly hôn cần giao cháu Đỗ Trí T cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị N không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con, xét đây là ý chí tự nguyện của chị nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh B.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Đàm Cẩm N phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đàm Cẩm N đối với anh Đỗ Văn P về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đàm Cẩm N được ly hôn với anh Đỗ Văn P.

- Về con chung: Buộc anh Đỗ Văn P giao cháu Đỗ Trí T, sinh ngày 26/10/2011 cho chị Đàm Cẩm N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Đàm Cẩm N không yêu cầu anh Đỗ Văn P cấp dưỡng nuôi con.

Sau ly hôn, chị N và anh P đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh P lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc chị N nuôi con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh P theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Chị Đàm Cẩm N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0019734, ngày 06/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- UBND phường H, thị xã D, tỉnh B;
- Đường sự;
- Lưu: VP, HS.

-

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lại Thị Ngọc Liên

